

KẾ HOẠCH
Phát triển giáo dục trường Mầm non Hùng Vương
Năm học 2025 – 2026

I. Một số thông tin:
1. Số trẻ trên địa bàn phường:

STT	Trẻ sinh năm	Số trẻ trên địa bàn phường	Số trẻ đến trường, lớp toàn phường		Số trẻ chưa đi học
			Trẻ học tại các cơ sở GDMN trên địa bàn phường	Trẻ đi học nơi khác (phường khác trong quận)	
1	2020	304	261	19	24
2	2021	232	166	13	53
3	2022	218	106	2	110
4	2023	241	64	0	177
5	2024	223	0	0	223
6	2025	18	0	0	18
Tổng		1236	597	34	605

2. Số trẻ trên địa bàn tại đơn vị được phân công quản lý:
- Trẻ trên địa bàn phường Hùng Vương:

STT	Trẻ sinh năm	Số trẻ trên địa bàn do trường quản lý	Số trẻ đến trường, lớp (các tổ do trường quản lý)				Số trẻ học trái tuyến tại trường, trong đó		Số trẻ chưa đi học
			Trẻ học tại trường	Trẻ trên địa bàn trường quản lý đi học tại các cơ sở GDMN khác thuộc phường	Trẻ trên địa bàn trường quản lý đi học nơi khác(phường khác trong quận)	Trẻ trên địa bàn trường quản lý đi học quận khác	Số trẻ đến học từ các phường khác trong quận	Số trẻ đến học từ các quận khác	
1	2020	304	161	100	13	6	1	6	24
2	2021	232	96	70	10	3	1	4	53
3	2022	218	48	58	1	1	0	3	110
4	2023	241	3	61	0	0	0	0	177
5	2024	223	0	0	0	0	0	0	223
6	2025	18	0	0	0	0	0	0	18
Tổng		1236	308	289	24	10	2	13	605

- Tổng số phòng học: 14
- Tổng số phòng chức năng: 08 (trong đó phòng thể chất: 01; phòng NK: 01)
- Tổng diện tích các phòng chức năng: 900m2

II. Kế hoạch:

1. Số nhóm, lớp, số trẻ:

NHÀ TRẺ								
Nội dung	Bột, cháo		Cơm nát		Cơm thường		Cộng	
	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp
Thực hiện 2024 - 2025					53	2	53	2
Kế hoạch 2025 - 2026					56	2	56	2
Tổng DT các phòng học					158		158	
Bình quân số m ² /trẻ năm học 2025 – 2026					2,82		2,82	

MẪU GIÁO								
Nội dung	3 tuổi		4 tuổi		5 tuổi		Cộng	
	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp
Thực hiện 2024 - 2025	101	3	168	5	180	4	449	12
Kế hoạch 2025 - 2026	120	4	160	5	174	5	454	14
Tổng DT các phòng học	316		395		395		1106	
Bình quân số m ² /trẻ năm học 2025 – 2026	2,93		2,39		2,39		2,26	

TỔNG SỐ TRẺ TOÀN TRƯỜNG						
Nội dung	Nhà trẻ		Mẫu giáo		Cộng	
	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp
Thực hiện 2024 – 2025	53	2	449	12	502	14
Kế hoạch 2025 – 2026	56	2	454	14	510	16

2. Lao động: (KH 2025 -2026 thực hiện theo TT 19/2023-BGD&ĐT)

Thành phần chi tiết	Thực hiện năm học 2024 – 2025		Kế hoạch 2025-2026	So sánh		Đề nghị bổ sung lao động 2025 – 2026	Lý do đề nghị bổ sung
	Biên chế	Hợp đồng		Thừa	Thiếu		
1. Ban Giám hiệu	3	0	3			0	
2. Giáo viên	25	3	32		5	5	Mở thêm 2 lớp
- GV nhà trẻ (không quá 2,5 GV/lớp)	3	1	4			0	
- GV mẫu giáo (không quá 2,2 GV/lớp)	22	2	29		5	5	Có 1 GV nghỉ hưu tháng 12/2025
3. Nhân viên	1	0	1			0	
- Văn phòng (02-03 người) (KT, VT, TQ, TV)	1	0	1			0	
4. Tổng số (1+2+3)	29	3	36		5	5	

5. Nhân viên nấu ăn	0	10	11		1	1	
6. NV bảo vệ, NV y tế, NV phục vụ. (tối thiểu 03 người)	0	4	5		1	1	
7. Tổng 4+5+6	29	17	52		7	7	

*** Ghi chú:**

I. Từ khi giao định biên cho nhà trường năm học **2024-2025** hết năm học **2025 - 2026** có 01 giáo viên người biên chế nghỉ hưu, cụ thể:

1. GV Phạm Thị Kim Huân - Nghỉ hưu vào tháng 12 năm 2025

II. Số nhân viên nấu ăn hưởng chế độ 1,86 từ ngân sách thành phố là 10 người, cụ thể:

1. Vũ Thị Ánh Tuyết
2. Nguyễn Thị Bích Ngân
3. Vũ Thị Mong
4. Nguyễn Thùy Linh
5. Phạm Thị Thủy
6. Đỗ Hoài Mậu
7. Phương Thị Thúy
8. Phạm Lệ Hằng
9. Bùi Thị Thanh
10. Vũ Thị Thực

- So với quy định: **Thiếu 01 nhân viên** (số trẻ tăng thêm).

Hồng Bàng, ngày 25 tháng 02 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Thị Hồng Minh